

XÁC ĐỊNH CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN HIỆU QUẢ GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG THEO PHƯƠNG PHÁP LỒNG GHÉP/ TÍCH HỢP CHO HỌC SINH TIỂU HỌC Ở VÙNG NÔNG THÔN TỈNH HẬU GIANG

IDENTIFYING FACTORS AFFECTING THE RESULTS OF ENVIRONMENTAL EDUCATION BY ADDING IN ENVIRONMENTAL TOPICS TO SUBJECTS FOR PRIMARY STUDENTS IN RURAL AREAS OF HAU GIANG PROVINCE

Lê Trần Thanh Liêm

Trường Đại học Cần Thơ; lttliem@ctu.edu.vn

Tóm tắt - Nghiên cứu được tiến hành nhằm phân tích hiệu quả của mô hình giáo dục môi trường theo phương pháp lồng ghép/ tích hợp. 10 trường tiểu học ở vùng nông thôn của tỉnh Hậu Giang (huyện Phụng Hiệp, huyện Châu Thành A, Thị xã Long Mỹ) và 50 giáo viên đã tham gia nghiên cứu. Phương pháp nghiên cứu xã hội học với cách chọn mẫu phi xác suất đã được sử dụng. Số liệu sơ cấp được dùng trong phân tích bằng mô hình Binary Logistic. Trong đó, biến Y là hiệu quả của hoạt động giáo dục môi trường, biến phụ thuộc. Các biến độc lập bao gồm: X₁: Thời gian; X₂: Tài liệu; X₃: Độ tuổi; X₄: Hỗ trợ của phụ huynh. Kết quả như sau: $\text{Loge } P(Y=1)/P(Y=0) = -4,373 + 2,816X_1 + 3,228X_2 - 4,483X_3 + 3,378X_4$. Tỷ lệ dự đoán đúng của mô hình là 90%.

Từ khóa - Giáo dục môi trường; học sinh tiểu học; lồng ghép/ tích hợp; tỉnh Hậu Giang; vùng nông thôn.

1. Đặt vấn đề

Giáo dục môi trường là nhiệm vụ quan trọng đã được Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh trong Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 17/10/2001 về việc phê duyệt đề án “Đưa các nội dung bảo vệ môi trường vào hệ thống giáo dục quốc dân” (Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, 2011). Giáo dục môi trường giúp cho cộng đồng hiểu được bản chất phức tạp của hệ thống môi trường tự nhiên cũng như nhân tạo để từ đó giúp con người có những hành vi ứng xử thân thiện hơn đối với môi trường. Mục tiêu của giáo dục môi trường, nhằm trang bị cho cộng đồng những kỹ năng hành động bảo vệ môi trường một cách hiệu quả hơn (Lê Văn Khoa và *ctv.*, 2011). Hậu Giang là một tỉnh có thế mạnh sản xuất nông nghiệp của Đồng bằng Sông Cửu Long. 100% xã của Tỉnh có trường tiểu học (Ban Chỉ đạo tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản trung ương, 2016). Tỉnh Hậu Giang có tất cả 253 trường tiểu học với lượng học sinh là 69.375 học sinh và số giáo viên trực tiếp giảng dạy là 3.664 giáo viên (Tổng cục Thống kê, 2015). Do điều kiện tự nhiên ở hạ lưu sông Hậu, địa hình trải dài giữa một mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt nên đa phần các trường tiểu học của tỉnh đều phân bố ở khu vực nông thôn. Chính điều kiện đặc biệt này đã tạo nhiều thuận lợi và đồng thời cũng gây ra không ít khó khăn trong phát triển giáo dục nói chung và giáo dục môi trường nói riêng. Theo Lê Trần Thanh Liêm và *cs.* (2017), những hình thức giáo dục môi trường phổ biến hiện nay ở vùng nông thôn tỉnh Hậu Giang là lồng ghép/ tích hợp vào môn học và tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp. Trong đó, hoạt động giảng dạy lồng ghép/ tích hợp được chú trọng hơn. Chính vì vậy, việc nghiên cứu để xác định các yếu tố tác động

Abstract - Research is carried out to identify factors affecting the results of environmental education through adding in environmental topics to subjects. Ten primary schools in rural areas (Phung Hiep District, Chau Thanh A District and Long My Town) and 50 teachers participated in the research. Sociological survey method is used in the research. Primary data is collected by non-probability sampling method. Primary data is used in the Binary Logistic Regression model, in which dependant variable Y indicates the impacts of environmental education through adding in environmental topics to subjects. Independent variables X include: X₁: Teaching hour; X₂: Documents; X₃: Students' age; X₄: Parents' support. The equation of this model is: $\text{Loge } P(Y=1)/P(Y=0) = -4,373 + 2,816X_1 + 3,228X_2 - 4,483X_3 + 3,378X_4$. The likelihood ratio of the model is 90%.

Key words - Environmental education; primary student; integrate; Hau Giang province; rural area.

đến hiệu quả của hoạt động giáo dục môi trường theo phương pháp lồng ghép/ tích hợp, từ đó có những giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy là cấp thiết và quan trọng.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Phương pháp thu thập số liệu

Số liệu thứ cấp được thu thập từ sách, bài báo khoa học, tạp chí khoa học, các công trình nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu, các báo cáo tổng kết năm học của các trường tiểu học và các Phòng Giáo dục và Đào tạo tham gia nghiên cứu.

Số liệu sơ cấp được thu thập bằng phiếu phỏng vấn cấu trúc đối với 50 giáo viên tiểu học trực tiếp giảng dạy các nội dung lồng ghép/ tích hợp về bảo vệ môi trường thuộc 10 trường tiểu học trên địa bàn nghiên cứu. Trong đó, bao gồm cả thành viên Ban Giám hiệu, Lãnh đạo các đoàn thể như: Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Tổ trưởng chuyên môn. Số lượng giáo viên theo trường cụ thể như sau: huyện Phụng Hiệp có 4 trường với 20 giáo viên, huyện Châu Thành A và thị xã Long Mỹ cùng có 3 trường với 15 giáo viên tham gia nghiên cứu.

Các trường tiểu học được chọn ngẫu nhiên dựa trên danh sách do các Phòng Giáo dục và Đào tạo của các Huyện, Thị xã cung cấp. Giáo viên tham gia nghiên cứu được lựa chọn theo phương pháp phi xác suất tại thời điểm tiến hành phỏng vấn.

Số lượng mẫu nghiên cứu đủ lớn để đảm bảo phân tích theo mô hình hồi quy Binary Logistic. Phân bố mẫu có tính tương quan với quy mô số lượng trường và số lượng giáo viên của các đơn vị hành chính tham gia nghiên cứu. Cách thức chọn mẫu phù hợp, đảm bảo tính khách quan của kết

qua nghiên cứu.

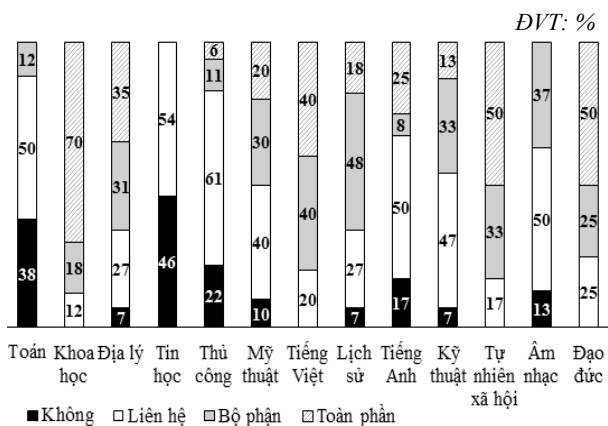
Nghiên cứu sử dụng tính năng thống kê mô tả, tần suất xuất hiện của các đối tượng nghiên cứu. Bên cạnh đó, để xác định các nhân tố (biến độc lập) được đưa vào nghiên cứu, phương pháp chuyên gia đã được sử dụng. Nghiên cứu đã phỏng vấn các chuyên gia về khoa học giáo dục, khoa học và quản lý môi trường, khoa học xã hội và nhân văn của trường Đại học Cần Thơ.

2.2. Phương pháp phân tích số liệu

Các số liệu định lượng được nhập, mã hóa và xử lý bằng phần mềm SPSS. Nghiên cứu sử dụng mô hình hồi quy Binary Logistic để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả giảng dạy giáo dục môi trường. Theo Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), mô hình hồi quy Binary Logistic sử dụng biến phụ thuộc ở dạng nhị phân để ước lượng xác suất một sự kiện xảy ra với những thông tin của biến độc lập có được, biến độc lập có thể ở dạng nhị phân, biến số liên tục hay là biến thứ bậc. Độ phù hợp của mô hình được đánh giá qua chỉ số -2loglikelihood, giá trị này càng nhỏ thì mô hình càng phù hợp để ước lượng.

3. Kết quả nghiên cứu và khảo sát

3.1. Mức độ lồng ghép/ tích hợp nội dung giáo dục môi trường vào các môn học



Hình 1. Mức độ lồng ghép/ tích hợp nội dung giáo dục môi trường vào môn học

3.2. Mô tả chung về biến phân tích

Mô hình hồi quy được giả định như sau:

$$\log_e P(Y=1)/P(Y=0) = a_0 + a_1X_1 + a_2X_2 + a_3X_3 + a_4X_4 + a_5X_5 + a_6X_6$$

Bảng 1. Mô tả biến được sử dụng trong mô hình phân tích

Tên biến	Ý nghĩa/cách tính	Dấu kỳ vọng
X ₁	Thời gian giảng dạy (1 = có, 0 = không)	+
X ₂	Tài liệu (1 = có, 0 = không)	+
X ₃	Độ tuổi học sinh (1 = có, 0 = không)	+/-
X ₄	Phối hợp của phụ huynh (1 = có, 0 = không)	+
X ₅	Kỹ năng chuyên biệt (1 = có, 0 = không)	+
X ₆	Kinh phí (1 = có, 0 = không)	+

3.3. Kết quả mô hình phân tích hồi quy

Bảng 2. Kết quả phân tích bằng mô hình Binary Logistic

Yếu tố	Hệ số B	Sig.
X ₁ : Thời gian giảng dạy	2,816	0,016
X ₂ : Tài liệu	3,228	0,009
X ₃ : Độ tuổi học sinh	-4,483	0,011
X ₄ : Hỗ trợ của phụ huynh	3,378	0,027
X ₅ : Kỹ năng chuyên biệt	-0,261	0,854
X ₆ : Kinh phí	0,951	0,504
Hằng số	-4,373	0,005

Từ kết quả phân tích hồi quy, nghiên cứu xây dựng mô hình như sau:

$$\log_e P(Y=1)/P(Y=0) = -4,373 + 2,816X_1 + 3,228X_2 - 4,483X_3 + 3,378X_4$$

3.4. Kết quả kiểm định tính chính xác của mô hình

Bảng 3. Kết quả định tính chính xác của mô hình Binary Logistic

Quan sát	Hiệu quả		Mức độ chính xác của kết quả dự báo
	Có	Không	
Hiệu quả	26	2	92,9%
Không	3	19	86,4%
Tỷ lệ chính xác dự báo chung			90,0%

4. Bàn luận

4.1. Mức độ lồng ghép/ tích hợp nội dung giáo dục môi trường vào môn học

Kết quả nghiên cứu từ Hình 1 đã cho thấy, các môn học như: Khoa học, Tự nhiên xã hội, Đạo đức và Tiếng Việt được tất cả các giáo viên áp dụng linh hoạt các hình thức để giáo dục môi trường. Mức độ lồng ghép/ tích hợp toàn phần được áp dụng nhiều nhất ở môn Khoa học, chiếm 70% trong 3 mức độ lồng ghép. Ở các môn học còn lại, có sự lựa chọn khác biệt trong mức độ áp dụng giữa các giáo viên và giữa các trường. Điều này được thể hiện ở tỉ lệ % mức độ lồng ghép/ tích hợp bộ phận (cao nhất ở môn Lịch sử, chiếm 48% và môn Tiếng Việt, chiếm 40%); mức độ liên hệ (cao nhất ở môn Thủ công, chiếm 61%, môn Tin học chiếm 54%); tỉ lệ % giáo viên không lồng ghép/ tích hợp bất cứ nội dung nào về giáo dục môi trường xuất hiện cao nhất ở môn Tin học (46%), Toán (38%). Theo Lê Văn Khoa và cs. (2009) đã cho rằng giáo dục bảo vệ môi trường được tích hợp trong các môn/ phân môn học như sau: Toán (Lớp 1, 2, 3, 4, 5), Tiếng Việt (Lớp 1, 2, 3, 4, 5), Đạo đức (Lớp 1, 2, 3, 4, 5), Tự nhiên và xã hội (Lớp 1, 2, 3), Khoa học (Lớp 4, 5), Lịch sử và địa lý (Lớp 4, 5), Nghệ thuật (Lớp 1, 2, 3), Âm nhạc (Lớp 4, 5), Mỹ thuật (Lớp 4, 5), Kỹ thuật (Lớp 4, 5), Thể dục (Lớp 1, 2, 3, 4, 5). Như vậy, có thể nhận thấy rằng, kết quả nghiên cứu có sự tương đồng với kết quả của Lê Văn Khoa và cs. (2009). Tuy nhiên, kết quả trong nghiên cứu đã đạt yêu cầu ở mức độ chi tiết theo 3 cấp độ lồng ghép trong từng môn/phân môn học cao hơn so với kết quả của Lê Văn Khoa và cs. (2009) và được thể hiện theo môn/phân môn đối với từng Khối lớp.

4.2. Các biến sử dụng trong nghiên cứu

Dựa vào kết quả tổng hợp, phân tích các công trình nghiên cứu có liên quan, các yếu tố tác động sau đây đã được đề xuất nghiên cứu: 1. Sự quan tâm của Lãnh đạo nhà trường; 2. Về thuộc tính của giáo viên: Độ tuổi, thâm niên giảng dạy, số môn giảng dạy, có/ không có giữ chức vụ (Ban Giám hiệu, Lãnh đạo đoàn thể, Tổ trưởng chuyên môn), kỹ năng chuyên biệt của giáo viên; 3. Thời gian giảng dạy; 4. Tài liệu dùng trong nghiên cứu để thiết kế các nội dung giảng dạy; 5. Độ tuổi của học sinh tương ứng với từng khối lớp từ học sinh lớp 1 đến lớp 5; 6. Sự quan tâm hỗ trợ từ phía gia đình trong hỗ trợ cùng giáo dục học sinh; 7. Kinh phí được sử dụng, đầu tư cho hoạt động dạy học. Từ những đề xuất nghiên cứu này, các chuyên gia về giáo dục và giáo dục môi trường của Trường Đại học Cần Thơ cùng nhóm nghiên cứu đã thảo luận và thống nhất các vấn đề nghiên cứu. *Thứ nhất*, loại biến sự quan tâm của Lãnh đạo nhà trường ra khỏi nghiên cứu. Hiện nay, công tác này đã được triển khai và nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Ban Giám hiệu các Trường. *Thứ hai*, về các biến thuộc tính của giáo viên, chỉ đưa biến kỹ năng chuyên biệt vào nghiên cứu. Giả thuyết đã được đặt ra rằng, giáo dục môi trường với những kiến thức sinh động, gắn gũi với đời sống, có khả năng ứng dụng, giúp học sinh hoàn thiện ứng xử thân thiện với môi trường có cần giáo viên phải trao dồi thêm những kỹ năng giảng dạy nào khác hay không. *Thứ ba*, các biến còn lại được đưa vào mô hình nghiên cứu. Mô hình giả định và các biến nghiên cứu được trình bày như Bảng 1.

4.3. Các yếu tố tác động đến hiệu quả giáo dục môi trường theo phương pháp lồng/ghép tích hợp

Mô hình hồi quy Binary Logistic được sử dụng đã cho thấy chỉ số $-2\log\text{likelihood}$ là 32,937 và đây là chỉ số thích hợp khẳng định tính chắc chắn của mô hình. Hệ số tương quan Cox & Snell R Square đạt tới 0,510, trong khi đó hệ số tương quan Nagelkerde R Square đạt tới giá trị 0,683, một lần nữa khẳng định rằng khoảng 68,3% giá trị của mô hình đã được giải thích từ hồi quy Logistic, đây là một hệ số tương quan khá cao. Chỉ số Omnibus Tests of Model Coefficients cho thấy Chi-square đạt 35,656 với Sig. = 0,000 ($\alpha < 0,05$). Các kết quả kiểm định thống kê này cho thấy tính chắc chắn của mô hình hồi quy tương quan Logistic được sử dụng trong phân tích. Bảng 3 cho thấy tỷ lệ dự đoán của mô hình đạt 90%, có thể giúp kết luận mô hình hồi quy tương quan Logistic sử dụng trong nghiên cứu là hoàn toàn hợp lý.

Kết quả nghiên cứu từ Bảng 2 đã cho thấy:

Biến X_5 kỹ năng chuyên biệt của giáo viên và X_6 kinh phí tác động không có ý nghĩa đến mô hình (Sig. > 0,05). Điều này có thể được luận giải như sau: *Thứ nhất*, các kỹ năng giảng dạy hiện nay của giáo viên được hình thành khi đào tạo từ môi trường Sư phạm (ở các trường Cao Đẳng, Đại học) và tích lũy từ thực tế giảng dạy đã đảm bảo giảng dạy một cách hiệu quả những nội dung giáo dục môi trường. *Thứ hai*, kinh phí phục vụ cho nội dung giáo dục môi trường hiện nay có được cấp từ nhà trường hay không thì không thực sự quan trọng trong nghiên cứu này. Bởi lẽ, nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của việc giáo dục môi trường cho học sinh trong giai đoạn hình thành nhận thức và nhân cách nên giáo viên phần lớn đã tự thiết kế hầu hết dụng cụ dùng trong giảng dạy. Điểm mạnh của

giáo viên tham gia nghiên cứu là giảng dạy ở vùng nông thôn nên một số nội dung giảng dạy lồng ghép/ tích hợp rất thuận tiện vì gắn gũi với thiên nhiên và các nguồn tài nguyên rất dễ dàng tiếp cận như thực vật (các loài cây, hoa), động vật (vật nuôi, gia cầm, chim, côn trùng).

Các biến còn lại đều tác động có ý nghĩa đối với mô hình (Sig. < 0,05). Trong đó, các biến X_1 thời gian giảng dạy, X_2 tài liệu, X_4 sự hỗ trợ của phụ huynh có dấu dương (+). Có nghĩa là các biến này tác động theo cùng một xu hướng với biến phụ thuộc Y. Biến X_3 độ tuổi của học sinh có tác động ngược lại với hiệu quả của mô hình giáo dục môi trường theo phương pháp lồng ghép/ tích hợp, thể hiện qua dấu âm (-). Điều này có nghĩa là hoạt động giáo dục môi trường sẽ đạt hiệu quả cao hơn khi áp dụng cho các học sinh nhỏ tuổi hơn. Cụ thể, từng biến tác động được giải thích như nhau:

Thứ nhất, về thời gian giảng dạy, kết quả phân tích từ mô hình đã chứng minh rằng dành thời gian càng nhiều cho nội dung tích hợp/ lồng ghép thì hiệu quả đạt được sẽ cao hơn nếu như các biến độc lập khác không thay đổi. Kết quả phỏng vấn giáo viên đã ghi nhận các ý kiến về việc các nội dung lồng ghép/ tích hợp hiện nay chỉ được giảng dạy mang tính tượng trưng, chỉ giới thiệu lướt qua chứ chưa thật sự tạo điều kiện cho học sinh tiếp cận với thực tế như mong đợi của giáo viên. Lý giải cho hiện tượng này, giáo viên cho rằng các nội dung dạy học hiện nay hầu như đã bị quá tải nên việc thêm vào những nội dung về bảo vệ môi trường không thể chuyên sâu. Điều này rất phù hợp với kết quả nghiên cứu trong mô hình.

Thứ hai, về tài liệu phục vụ giảng dạy, hệ số B là 3,228, đồng nghĩa với việc hiệu quả giáo dục môi trường sẽ cao hơn nếu tài liệu này được tăng cường (xét trong điều kiện các biến độc lập khác cố định). Theo Võ Trung Minh (2015), việc trang bị tài liệu hướng dẫn, tham khảo về giáo dục môi trường có ý nghĩa quan trọng đối với giáo viên. Đây là nguồn cơ sở để giáo viên có thể tự bồi dưỡng, tự học và trao đổi chuyên môn nghiệp vụ nhằm tổ chức có hiệu quả các hoạt động giáo dục môi trường cho học sinh. Kết quả phỏng vấn giáo viên đã cho thấy, thực trạng sách, báo hay tài liệu tham khảo phục vụ giảng dạy giáo dục môi trường nói chung hiện nay ở các thư viện bao gồm: thư viện Trường, thư viện ở Trung tâm văn hóa của Huyện đều rất hạn chế. Trong khi đó, việc tiếp xúc với nguồn học liệu ở thư viện của Tỉnh đối với giáo viên vùng nông thôn rất khó khăn. Thay vào đó, giáo viên phải sử dụng máy tính công cộng ở Trường để tra cứu tài liệu trên internet, tỉ lệ giáo viên có máy tính cá nhân rất thấp. Điều kiện thực tế này đã được phản ánh một cách phù hợp trong kết quả phân tích của mô hình trong nghiên cứu.

Thứ ba, về độ tuổi của học sinh, nếu xét trong trường hợp các biến khác không có sự thay đổi thì hoạt động giáo dục môi trường sẽ đạt kết quả cao hơn khi áp dụng cho học sinh ở các khối lớp nhỏ hơn. Theo Lê Văn Khoa và cs. (2009), giáo dục bảo vệ môi trường phù hợp với tất cả các bậc học trong hệ thống giáo dục quốc dân. Tuy nhiên, nghiên cứu được thực hiện trên phạm vi các trường tiểu học vùng nông thôn của một tỉnh thuần nông nghiệp như tỉnh Hậu Giang đã đạt mục tiêu khai thác tính chi tiết của mức độ phù hợp này. Kết quả nghiên cứu từ giáo viên đã cho

thấy, ở các lớp nhỏ giáo viên sẽ tập trung hình thành và phát triển 5 nhóm kỹ năng cốt lõi cho học sinh như: Nhóm kỹ năng tự nhận thức; Hình thành kỹ năng giao tiếp, ứng xử; Kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề; Hình thành kỹ năng hợp tác, chia sẻ; Hình thành kỹ năng tự phục vụ và quản lý thời gian. Chính vì vậy, trong quá trình rèn luyện hình thành những kỹ năng này cho học sinh, giáo viên kết hợp giáo dục hình thành nhận thức ban đầu về môi trường xung quanh vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường, ăn uống hợp vệ sinh là giải pháp phù hợp. Có thể nhận thấy, kết quả phân tích từ mô hình rất phù hợp với tình hình thực tế.

Thứ tư, về sự hỗ trợ của phụ huynh học sinh, đây là biến có tác động cùng xu hướng. Do vậy, trong trường hợp cố định các biến khác thì sự tăng cường mức độ quan tâm, hỗ trợ của gia đình học sinh sẽ giúp hoạt động giáo dục môi trường đạt được kết quả cao hơn. Những kiến thức, kỹ năng và thái độ của học sinh khi được hình thành từ trong quá trình giáo dục môi trường của nhà trường đôi lúc có sự khác biệt với việc áp dụng ở nhà. Những sự khác biệt có thể được đề cập bao gồm: Học sinh được giáo dục phải bỏ rác đúng nơi quy định nhưng ở nhà phụ huynh lại thải rác xuống sông; Một trường hợp khác, học sinh nhận thức được chó là loài vật nuôi trung thành, góp phần giúp con người giữ gìn an ninh, trật tự. Tuy nhiên, lại có nhiều trường hợp các gia đình ở nông thôn nuôi chó, giết thịt ngay tại nhà. Từ những phân tích trên có thể nhận ra rằng, vai trò của gia đình góp phần quan trọng trong việc quyết định thành công hay thất bại của quá trình giáo dục. Điều này phù hợp với kết quả của mô hình.

5. Kết luận

Giáo dục môi trường thông qua phương pháp lồng ghép/ tích hợp là một hoạt động quan trọng nhằm nâng cao nhận thức và hành động bảo vệ môi trường của học sinh tiểu học. Hoạt động giáo dục môi trường thông qua phương

pháp lồng ghép/ tích hợp có thể được áp dụng thông qua tất cả các môn học ở bậc tiểu học. Để nâng cao hiệu quả của hoạt động giáo dục đặc thù này, trong phạm vi nghiên cứu, có thể áp dụng những khuyến khích sau: tăng cường áp dụng cho các học sinh khối lớp nhỏ; làm phong phú và đa dạng hóa nguồn tư liệu phục vụ biên soạn bài giảng; dành nhiều thời gian hơn cho các nội dung được lồng ghép/ tích hợp; tăng cường sự quan tâm, phối hợp của gia đình trong việc cùng giáo dục, tạo điều kiện cho trẻ được áp dụng những kiến thức đã học ở trường vào gia đình và hoạt động hàng ngày của trẻ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban Chi đạo tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản Trung ương, *Báo cáo sơ bộ kết quả tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2016*, NXB Thống kê, 2016.
- [2] Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, *Quyết định số 1363/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án “Đưa các nội dung bảo vệ môi trường vào hệ thống giáo dục quốc dân” ký ngày 17/10/2001*, Truy cập ngày 12/5/2018, Truy cập từ http://chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=414&mode=detail&document_id=9868, 2001.
- [3] Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS Tập 2*, NXB Hồng Đức, 2008.
- [4] Lê Trần Thanh Liêm, Phạm Ngọc Nhân, Đỗ Ngọc Diễm Phương và cs., *Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở “Xây dựng mô hình giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học vùng nông thôn tỉnh Hậu Giang”*, Trường Đại học Cần Thơ, 2017.
- [5] Lê Văn Khoa, Nguyễn Văn Cư, Nguyễn Xuân Cự và cs., *Khoa học môi trường*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011.
- [6] Lê Văn Khoa, Phan Văn Kha, Phan Thị Lạc và cs., *Môi trường và giáo dục bảo vệ môi trường*, NXB Giáo dục, 2009.
- [7] Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê năm 2015*, NXB Thống kê, 2015.
- [8] Võ Minh Trung, *Luận án Tiến sĩ Khoa học giáo dục “Giáo dục môi trường dựa vào trải nghiệm trong dạy học môn Khoa học ở tiểu học”*, Viện Khoa học giáo dục Việt Nam, 2015.

(BBT nhận bài: 15/5/2018, hoàn tất thủ tục phản biện: 07/6/2018)